

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG	
Số. 11.55
ĐẾN	Ngày. 17/09/2015
Chuyên
Lưu hồ sơ số

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định phí đấu giá, phí tham gia đấu giá
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 127/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về quy định phí đấu giá, phí tham gia đấu giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 321/TTr-STC ngày 20 tháng 8 năm 2015 về việc quy định phí đấu giá, phí tham gia đấu giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, trừ trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí đấu giá tài sản.

a.1) Trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, theo quy định như sau:

TT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá	Mức thu
1	Dưới 50 triệu đồng.	5% giá trị tài sản bán được.
2	Từ 50 triệu đồng đến 01 tỷ đồng.	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu đồng.
3	Trên 01 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng.	16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 01 tỷ đồng.
4	Trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng.	34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng.
5	Trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá.

a.2) Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng

bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ, trừ trường hợp các bên có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

b) Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá theo quy định như sau:

TT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống.	50.000
2	Trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng.	100.000
3	Trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng.	150.000
4	Trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.	200.000
5	Trên 500 triệu đồng.	500.000

4. Quản lý và sử dụng phí

a) Đối với Hội đồng bán đấu giá tài sản: Việc quản lý và sử dụng phí, lệ phí được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 03/2012/TT-BTC và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản quy định tại Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản.

b) Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ đấu giá quyền sử dụng đất): Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá thu được là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

c) Đối với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp có thu được thực hiện tự chủ tài chính, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. Cơ quan thu phí được trích để lại 90% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho việc thu phí, phần còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách.

5. Chứng từ thu phí: Do cơ quan thuế phát hành, quản lý.

6. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không đề cập tại Quyết định này, được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí đấu giá, phí tham gia đấu giá theo đúng quy định.

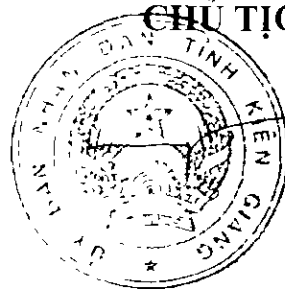
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định tỷ lệ (%) chi phí khoán cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện tịch thu sung công quỹ do vi phạm hành chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản cấp huyện, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, cơ quan của người ra quyết định tịch thu. /

Nơi nhận:

- Các Bộ Tài chính, Tư pháp,
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp.
- Website Chính phủ,
- TT Tỉnh uỷ, TT HDND tỉnh,
- TV UBND tỉnh,
- UBMTTQ VN tỉnh,
- Nhu Điều 3 của QĐ,
- Công báo tỉnh,
- LDVP. CVNC,
- Lưu VT, nkguyen (02b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thi